

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2021

V/v: *Ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Quốc, Ông Đặng Xuân Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh SL tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2021/TLST - HNGĐ ngày 26-10-2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15-12-2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Tòng Văn T, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: Bản CL, xã CL, huyện TC, tỉnh SL.

2. *Bị đơn:* Chị Lò Thị H, sinh năm 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Bản LL, xã CL, huyện TC, tỉnh SL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Tòng Văn T trình bày:

Anh Tòng Văn T và chị Lò Thị H kết hôn với nhau ngày 13/3/2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T và chị H đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn chị Lò Thị H.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Tòng Thị TV, sinh ngày 14/7/2004 và cháu Tòng AV, sinh ngày 16/5/2008.

Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tòng AV và giao cháu Tòng Thị TV cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh T cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn chị Lò Thị H trình bày:

Chị Lò Thị H và anh Tòng Văn T kết hôn với nhau ngày 13/3/2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, có xảy ra cãi vã, nên tạm thời sống ly thân, chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị H không nhất trí ly hôn với anh Tòng Văn T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Tòng Thị TV, sinh ngày 14/7/2004 và cháu Tòng AV, sinh ngày 16/5/2008.

Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Tòng Thị TV và cháu Tòng AV, chị H cho rằng việc giao con cho anh T không đảm bảo về mọi mặt cho con, trong quá trình ly thân cháu V sống cùng anh T việc học tập không tốt, cháu V chơi bời, hút thuốc lá, thường xuyên bỏ học.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng mỗi tháng cho mỗi cháu.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị H cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Tòng Văn T thừa nhận ý kiến của chị Lò Thị H, công việc của anh thường xuyên vắng nhà, không có điều kiện để chăm sóc con, để ảnh hưởng đến việc học tập, lối sống của con.

Anh T nhất trí giao hai cháu Tòng Thị TV, sinh ngày 14/7/2004 và cháu Tòng AV, sinh ngày 16/5/2008 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Tòng Văn T nhất trí cấp dưỡng nuôi hai con, mức cấp

dưỡng 500.000 đồng mỗi tháng cho mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về tình cảm: Xử cho anh Tòng Văn T được ly hôn chị Lò Thị H.

Về con chung: Giao cháu Tòng AV, sinh ngày 16/5/2008 và cháu Tòng Thị TV, sinh ngày 14/7/2004 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Tòng Văn T phải cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng mỗi tháng cho mỗi cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh T và chị H cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Tòng Văn T yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Lò Thị H có địa chỉ tại bản LL, xã CL, huyện Thuận Châu, tỉnh SL. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tòng Văn T và chị Lò Thị H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 13/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng anh T và chị H phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi

vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T và chị H đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, anh T yêu cầu ly hôn chị Lò Thị H.

Bị đơn chị Lò Thị H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không nhất trí ly hôn với anh Tòng Văn T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành hòa giải với mục đích hòa giải hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không được, anh T vẫn kiên quyết ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của anh T và chị H không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân được một thời gian dài, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Tòng Văn T ly hôn với chị Lò Thị H.

[3] Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Tòng Thị TV, sinh ngày 14/7/2004 và cháu Tòng AV, sinh ngày 16/5/2008.

Tại phiên tòa, anh T và chị H thoả thuận giao hai cháu Tòng AV và cháu Tòng Thị TV cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Xét thấy anh Tòng Văn T và chị Lò Thị H có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định. Tuy nhiên hai cháu sẽ đảm bảo về đời sống tinh thần, học tập và sự quan tâm, chăm sóc nhiều hơn khi sống chung với chị Lò Thị H. Trong thời gian chung sống với chị Lò Thị H, hai cháu luôn đảm bảo được mọi điều kiện về thể chất, tinh thần học tập mà anh Tòng Văn T thừa nhận không mang lại đầy đủ cho các cháu. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần, trên cơ sở xem xét nguyện vọng của cháu Tòng AV và cháu Tòng Thị TV. Từ các căn cứ nêu trên xét thấy cần chấp nhận sự thoả thuận của anh T và chị H, giao hai cháu Tòng AV và cháu Tòng Thị TV cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tòng Văn T phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Tòng AV và cháu Tòng Thị TV, mức cấp dưỡng 500.000 đồng mỗi cháu mỗi tháng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có đủ khả năng lao động.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Anh T và chị H cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tòng Văn T được ly hôn chị Lò Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Tòng AV, sinh ngày 16/5/2008 và cháu Tòng Thị TV, sinh ngày 14/7/2004 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Tòng Văn T phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Tòng AV và cháu Tòng Thị TV mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) mỗi cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có đủ khả năng lao động.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Anh T và chị H cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Anh Tòng Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0000821, ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh SL. Anh Tòng Văn T còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh SL.

8. Về quyền kháng cáo: Anh Tòng Văn T, chị Lò Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2021)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã CL, huyện TC, tỉnh SL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Nghĩa